TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 30- 3- 2023
"V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhất.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Ngọc Khánh
2. Ông Y Dhiễu Hmok

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Thiều Sỹ Vững - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên toà***: Ông Hoàng Văn Toàn; chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2023 tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 233/2022/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 24 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lý Thị Hồng P, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn S, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn T, xã C, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu thương nhau chị P và anh T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 01 tháng 11 năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk. Qúa trình chung sống hòa thuận đến năm năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do tính cách không hợp, quan điểm sống bất đồng với nhau, anh T thường xuyên rượu chè say

xỉn về kiếm cớ gây lộn đánh đập chị P, anh T không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc. Chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị P yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh T.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống chị P và anh T có với nhau 02 người con chung là các cháu: Nguyễn Ngọc Diễm Q, sinh ngày 09 tháng 9 năm 2000 và Nguyễn Lý Quỳnh N, sinh năm 2003, hiện các cháu đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình điều tra thu thập tài liệu chứng cứ, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T là bị đơn lẩn tránh, không hợp tác nên không ghi nhận ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tiến hành hòa giải được đối với các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 về thẩm quyền của Tòa án; Điều 191, Điều 195 và Điều 196 về thủ tục nhận và xử lý đơn khởi kiện, thụ lý vụ án và Thông báo thụ lý vụ án, Điều 203 về thời hạn chuẩn bị xét xử và Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Tại phiên toà, HĐXX thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm trong việc tuân theo nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, sự có mặt của các thành viên HĐXX và thư ký phiên tòa.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của các đương sự, của nguyên đơn. Bị đơn vắng mặt không có lý do, vi phạm Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự, quy định về quyền, nghĩa vụ của đương sự, bị đơn.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Lý Thị Hồng P với anh Nguyễn Đức T; Về con chung: Hiện các con chung của các đương sự đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đây là vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình". Việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với bị đơn đến để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn không có mặt. Vì vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ đối với các đương sự được.

Tại phiên toà, bị đơn được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai phải có mặt tại phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị P và anh T chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, chị P khai nhận quá trình chung sống đến năm năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn gia đình, nguyên nhân là do tính cách không hợp, quan điểm sống bất đồng với nhau, anh T thường xuyên rượu chè say xỉn về kiếm cớ gây lộn đánh đập chị P, anh T không chăm lo cho đời sống kinh tế gia đình, không quan tâm đến vợ con từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xích mích cãi vã nhau, sống không hạnh phúc. Chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn thương yêu nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị P yêu cầu được giải quyết ly hôn với anh T là có căn cứ để chấp nhận. Mặc dù, không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, theo Biên bản xác minh ngày 11 tháng 11 năm 2022 của chính quyền địa phương thể hiện: Chị P với anh T đăng ký kết hôn vào năm 1999 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện K (Nay là thị xã B), tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống đến năm 2016 giữa anh T và chị P xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân cụ thể như thế nào thì không biết cụ thể, chỉ thấy anh chị có cãi vã lẫn nhau. Anh T và chị P đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay.

Như vậy, có đủ căn cứ xác định do bất đồng quan điểm sống, anh T đã không chăm lo đến gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra, ngày một trầm trọng và thực tế vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị P và anh T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Hiện các con chung của các đương sự đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, Điều 55, khoản 1 Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị Hồng P.

Chị Lý Thị Hồng P được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

- Về con chung: Hiện các con chung của các đương sự đã trưởng thành nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị P không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Lý Thị Hồng P phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng theo biên lai số: 0018221 ngày 13 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- UBND xã C, thị xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhất